

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 577/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 23-11-2020
V/v: ly hôn giữa
Chị Lê Thị N và anh Khổng Tiến D.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Kim Cúc
2. Bà Nguyễn Thị Kim Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

Ngày 23 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 503/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1991; Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam.

2. Bị đơn: Anh Khổng Tiến D, sinh năm 1994; Địa chỉ đăng ký hộ khẩu: Số 1/42 đường Đ, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa chị N có mặt, anh D có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 28-9-2020, bản tự khai ngày 21-10-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Khổng Tiến D tổ chức lễ cưới vào đầu năm 2013, đến tháng 02-2015 đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân cuộc sống chung nảy sinh nhiều bất đồng, hai bên không hòa hợp nên xảy ra xung đột, anh D không chịu khó làm ăn, không quan tâm đến gia đình. Mặc dù chị và hai bên gia đình đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng

anh D không thay đổi nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn dẫn đến vợ chồng chung sống không có hạnh phúc. Từ cuối năm 2016 đến nay vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi không quan tâm tới nhau nữa. Thời gian gần đây anh D vi phạm pháp luật nên đang bị tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Nam Định. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Khổng Tiến D.

- *Về con chung*: Anh chị có 01 con chung là Khổng Nhật A, sinh ngày 15-10-2013. Hiện nay cháu đang ở với chị nên chị có nguyện vọng nuôi dưỡng con. Về cấp dưỡng nuôi con: chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và công nợ chung*: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Tại bản tự khai ngày 23-10-2020 bị đơn là anh Khổng Tiến D trình bày*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh xác nhận về thời gian tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn như chị N trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hòa hợp nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Hai bên đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả nên quan hệ vợ chồng ngày càng căng thẳng hơn dẫn đến việc vợ chồng ly thân từ 4 năm nay không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị Lê Thị N làm đơn xin ly hôn anh xác định mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn đoàn tụ được nên anh nhất trí ly hôn. Hiện nay anh đang bị tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Nam Định nên anh xin vắng mặt tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa xét xử.

- *Về con chung*: Anh chị có 01 con chung là Khổng Nhật A, sinh ngày 15-10-2013. Hiện nay cháu trên 7 tuổi nên nguyện vọng của cháu muốn được ở với bố hay mẹ do cháu tự quyết định, anh tôn trọng quan điểm của cháu.

- *Về tài sản chung và công nợ chung*: anh chị không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Tại đơn trình bày ngày 22-10-2020 cháu Khổng Nhật A có quan điểm* cháu muốn được tiếp tục ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn.

4. *Tại đơn đề xin xác nhận tình trạng hôn nhân chính quyền địa phương nơi* anh D và chị N cư trú xác nhận: Chị N và anh D đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam vào năm 2015. Sau khi kết hôn anh chị về sống tại địa chỉ số 1/42 đường Đ, phường T, thành phố N. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, anh D không tu chí làm ăn, không quan tâm tới gia đình. Hiện nay hai bên đã sống ly thân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Không Tiến D có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Không Tiến D.

[2] Về nội dung vụ án.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Không Tiến D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do cuộc sống chung nảy sinh nhiều bất đồng, hai bên không hòa hợp nên xảy ra cãi nhau. Theo chị N trình bày anh D không chịu khó làm ăn, không quan tâm tới gia đình và hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Nam Định. Từ những mâu thuẫn trên anh chị cũng đã có thời gian khắc phục hàn gắn nhưng không được nên mâu thuẫn trở nên căng thẳng hơn dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không quan tâm tới nhau từ năm 2016 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Không Tiến D có lời khai nhất trí ly hôn với chị N đồng thời có đơn xin vắng mặt tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa xét xử. Tại phiên tòa chị N vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Không Tiến D.

Xét thấy quan hệ hôn nhân của chị N và anh D mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho ly hôn giữa chị Lê Thị N và anh Không Tiến D.

[2.2] Về nuôi con chung: Anh chị có 01 con chung là Không Nhật A, sinh ngày 15-10-2013.

Xét thấy, cháu Không Nhật A hiện đang sống cùng với chị N còn anh D đang bị tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Nam Định, cháu có nguyện vọng muốn được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Anh Không Tiến D có lời khai tôn trọng quyết định của cháu vì cháu Nhật Anh đã trên 7 tuổi nên căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu Hội đồng xét xử giao cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung là cháu Không Nhật A là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị N và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Lê Thị N và anh Khổng Tiến D.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Lê Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Khổng Nhật A, sinh ngày 15-10-2013. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị N không yêu cầu anh Khổng Tiến D cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Khổng Tiến D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) chị Lê Thị N đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003271 ngày 20 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định.

4. Chị Lê Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Khổng Tiến D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì chị Lê Thị N và anh Khổng Tiến D có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố N
- Chi cục THADS thành phố N;
- UBND xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Mạnh Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Mạnh Hà